

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-3-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thạch Thị Thu Hiền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Thạch Ngọc Thành**

2. Ông **Nguyễn Văn Bé**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Liên Thị Kim Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1995 (Có mặt)

HKTT: Ấp TTK, xã HT, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 8A, xã AT, huyện CL, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1994 (Vắng mặt, không có lý do)

Địa chỉ: Ấp TTK, xã HT, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/01/2019 quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều T trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2014 chị T và anh Nguyễn Văn Đ có xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện T,

tỉnh Trà Vinh vào ngày 24/3/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau rất hạnh phúc, được một khoảng thời gian thì vợ chồng không còn tình cảm và tin tưởng lẫn nhau, anh Đ không lo chí thú làm ăn, thường đánh đập chị T và còn hăm dọa sẽ giết chị T vì vậy chị T không thể nào sống chung với anh Đ được nữa nên ngày 18/12/2018 chị T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột tại ấp 8A, xã AT, huyện CL để sinh sống cho đến nay. Nay xét thấy không còn tình cảm gì với anh Đ nữa nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: 01 con chung tên Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 13/12/2014 hiện do chị T đang nuôi dưỡng, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Theo đơn khởi kiện ngày 09/01/2019 và tại phiên hòa giải ngày 30/01/2019 chị T yêu cầu anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa hôm nay, chị T xin rút lại yêu cầu cấp dưỡng, chị T không yêu cầu anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Nguyễn Văn Đ đã thỏa thuận xong không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 30/01/2019 quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Giữa anh Nguyễn Văn Đ với chị Nguyễn Thị Kiều T có xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn với nhau, quá trình chung sống vợ chồng đôi lúc cũng có cự cãi với nhau, trong lúc nóng giận thì cũng có lần đánh chị T. Nay anh Đ còn thương chị T nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: 01 con chung tên Nguyễn Đăng Kh sinh ngày 13/12/2014 hiện do chị T đang nuôi dưỡng. Trường hợp nếu chị T cương quyết ly hôn thì anh Đ đồng ý giao con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh Đ không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Kiều Tr đã thỏa thuận xong không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Các tài liệu chứng cứ tình tiết của vụ án:

1. 01 giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản chính)
2. 01 giấy khai sinh của cháu Nguyễn Đăng Kh (bản sao)
3. 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Kiều T (bản pho to)

4. 01 sổ hộ khẩu gia đình do ông Nguyễn Văn Ph đứng tên chủ hộ.

Những tình tiết các bên thống nhất:

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Nguyễn Văn Đ thống nhất giao cho chị Nguyễn Thị Kiều T tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 13/12/2014. Anh Nguyễn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Nguyễn Văn Đ thống nhất đã thỏa thuận xong không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Nguyễn Văn Đ thống nhất khai không có.

Những tình tiết các bên không thống nhất:

Về hôn nhân: anh Nguyễn Văn Đ không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Kiều T

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Nguyễn Văn Đ có xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện T là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là giữa chị T và anh Đ không có cùng tiếng nói, cuộc sống vợ chồng lúc nào cũng có cự cãi nên chị T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột tại ấp 8A, xã AT, huyện CL, sinh sống cho đến nay và theo chị T thì từ khi chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột anh Đ cũng không đến hỏi thăm hay năn nỉ để kêu chị T về, quá trình tố tụng anh Đ cũng thừa nhận từ khi chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột tại ấp 8A, xã AT, huyện CL để sinh sống anh Đ cũng có đến nhà cha mẹ ruột của chị T nhưng mục đích là chỉ để rước con về nhà chơi chứ không có đến để năn nỉ kêu chị T về đoàn tụ, điều đó chứng tỏ giữa chị Nguyễn Thị Kiều T với anh Nguyễn Văn Đ không còn thương yêu quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, nếu vợ chồng có đoàn tụ thì vợ chồng sống chung cũng không có hạnh phúc. Nghỉ nên cho chị T được ly hôn với Đ là có cơ sở.

[3]. *Về con chung*: Chị T và anh Đ thống nhất tiếp tục giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. *Về tài sản chung*: Chị T và anh Đ thống nhất đã thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

[5]. *Về nợ chung*: Chị T và anh Đ thống nhất khai không có.

[6]. *Về án phí*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Kiều T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Kiều T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 13/12/2014. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

3. *Về tài sản chung:* Chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Nguyễn Văn Đ thống nhất đã thỏa thuận xong nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

4. *Về nợ chung:* Chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Nguyễn Văn Đ thống nhất khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

5. *Về án phí:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001366 ngày 16/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí.

6. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã HT;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Thạch Thị Thu Hiền